

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảng co trong phiên giao dịch hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,882.73 điểm, giảm nhẹ gần 3 điểm so với hôm qua. Số mã tăng áp đảo số mã giảm, 13/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Ô tô & phụ tùng dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Hóa chất, Bảo hiểm,...; dù vậy, thị trường chung bị kéo xuống bởi một số cổ phiếu vốn hóa lớn. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM, trong đó bán ròng khoảng 1.5 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Xu hướng giảng co trước đỉnh 1,900 chưa có dấu hiệu kết thúc.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 22/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-2.71** điểm, đóng cửa tại **1882.73** điểm. HNX-Index **+5.77** điểm, đóng cửa tại **258.43** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+0.99)**, **STB (+0.58)**, **GVR (+0.44)**, **DGC (+0.42)**, **MWG (+0.35)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-3.15)**, **GAS (-2.57)**, **VHM (-2.08)**, **BID (-1.48)**, **PLX (-0.68)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **28,757** tỷ đồng, giảm **-16.84%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 33,659 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 29.75 điểm. Thị trường có **238** mã tăng, 52 mã tham chiếu, **92** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1460.75** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-451.04 tỷ)**, **VCB (-334.95 tỷ)**, **VIC (-214.68 tỷ)**, **BID (-171.18 tỷ)**, **CTG (-150.74 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-54.33** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.75%**. Các mã diễn biến tích cực:

DGC (+6.96%)

([Link báo cáo](#))

DCM (+6.90%)

([Link báo cáo](#))

PDR (+4.60%)

([Link báo cáo](#))
- BSC50 **+1.15%**. Các mã diễn biến tích cực:

HDC (+6.79%)

([Link báo cáo](#))

DIG (+6.75%)

([Link báo cáo](#))

TCH (+6.29%)

([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.75%	1.15%	-0.14%	0.09%
1 tuần	2.16%	-1.14%	0.96%	1.70%
1 tháng	11.91%	3.94%	6.24%	3.45%
3 tháng	12.64%	1.00%	11.86%	7.08%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,882.73	258.43	127.17
% 1D	-0.14%	2.28%	0.98%
GTKL (tỷ VND)	28,757	2,368	831
%1D	-16.84%	-10.18%	-49.10%
GDNN (tỷ VND)	-1460.75	-54.33	-0.51

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	128.16	VHM	-451.04
GMD	59.08	VCB	-334.95
GVR	55.67	VIC	-214.68
MWG	49.15	BID	-171.18
VPB	39.95	CTG	-150.74

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

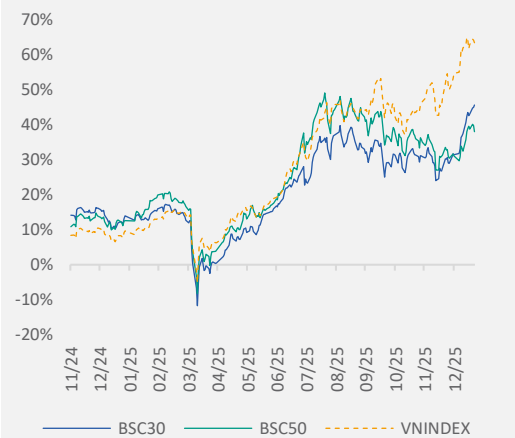
		%D	%W
SPX	6,876	1.16%	-1.27%
FTSE100	10,210	0.71%	-0.28%
Eurostoxx	5,949	1.04%	-1.59%
Shanghai	4,123	0.14%	0.24%
Nikkei	53,689	1.73%	-0.76%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.02	-0.47%
Giá vàng	4,826	0.64%
Tỷ giá		
USD/VND	26,381	0.00%
EUR/VND	31,490	-0.27%
JPY/VND	170	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	6.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

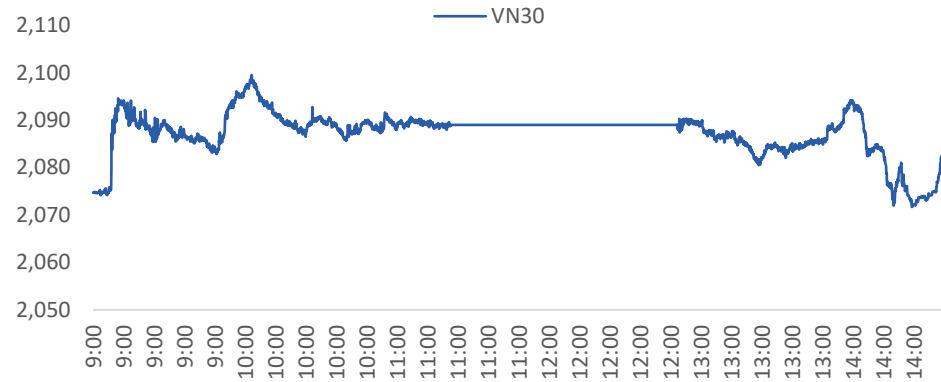
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G2000	2087.00	0.43%	296,942	-10.5%	13/02/2026	22
41I1G6000	2071.00	0.53%	35	94.4%	18/06/2026	147
41I1G9000	2072.00	0.48%	53	165.0%	17/09/2026	238
41I1G3000	2077.90	0.19%	708	-15.11%	19/03/2026	56

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +1.97 điểm, đóng cửa tại 2082.35 điểm. Biên độ dao động 27.56 điểm. Các cổ phiếu như MWG, DGC, STB, VRE, VNM tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trên tham chiếu với thanh khoản giảm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G2000, 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CHPG2542	26/05/2026	124	1,300	22.01%	31.00	880	35.4%	0.44	32.76	26.85	26.85
CSTB2534	9/02/2026	18	457,500	14.39%	71.70	470	30.6%	0.11	72.64	63.50	63.50
CSTB2526	24/02/2026	33	268,200	2.20%	55.00	1,650	28.9%	1.51	64.90	63.50	63.50
CSTB2524	23/06/2026	152	7,600	15.28%	53.90	3,860	28.7%	2.52	73.20	63.50	63.50
CFPT2601	19/06/2026	148	20,100	28.41%	99.00	3,390	27.4%	1.07	132.90	103.50	103.50
CFPT2523	25/03/2026	62	100	18.62%	116.59	250	25.0%	0.05	122.77	103.50	103.50
CDGC2501	26/05/2026	124	259,300	52.72%	104.43	960	24.7%	0.10	112.71	73.80	73.80
CSTB2533	8/03/2027	410	5,600	36.09%	71.00	5,140	19.5%	2.96	86.42	63.50	63.50
CSHB2514	25/06/2026	154	42,900	35.94%	20.68	740	19.4%	0.24	22.16	16.30	16.30
CHPG2510	5/02/2026	14	135,400	2.59%	24.15	1,360	18.3%	1.11	27.55	26.85	26.85
CVPB2518	3/02/2026	12	1,600	4.24%	21.00	2,360	15.1%	2.06	30.44	29.20	29.20
CSTB2532	8/09/2026	229	131,400	23.02%	68.70	3,140	15.0%	2.16	78.12	63.50	63.50
CSTB2602	21/09/2026	242	24,300	7.97%	50.00	4,640	12.9%	4.24	68.56	63.50	63.50
CSTB2527	25/06/2026	154	10,700	17.33%	66.56	1,590	12.8%	1.13	74.51	63.50	63.50
CACB2512	24/02/2026	33	75,700	17.79%	29.00	90	12.5%	0.01	29.27	24.85	24.85
CSTB2512	23/02/2026	32	8,200	1.98%	46.00	4,690	12.2%	4.42	64.76	63.50	63.50
CVNM2601	28/12/2026	340	17,200	11.35%	64.00	2,990	11.2%	2.39	78.95	70.90	70.90
CSTB2523	4/05/2026	102	195,700	3.41%	56.87	1,100	11.1%	1.18	65.67	63.50	63.50
CSTB2605	29/06/2026	158	114,600	13.57%	60.00	4,040	10.7%	2.95	72.12	63.50	63.50
CMSN2601	28/12/2026	340	34,400	16.65%	80.00	2,640	10.5%	2.47	93.20	79.90	79.90

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***:

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 22/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảm của cổ phiếu cơ sở.
 - CHPG2542 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 35.38%. CSTB2514 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.32%.
 - CFPT2606, CVHM2521, CVRE2526, CVIB2603, CVRE2525 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2511, CVHM2512 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	161.10	0.37%	0.99	7.73
STB	63.50	2.25%	0.58	1.89
GVR	39.00	1.30%	0.44	4.00
DGC	73.80	6.96%	0.42	0.38
MWG	86.50	1.29%	0.35	1.47

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	71.80	9.95%	3.58	0.90
CEO	20.60	9.57%	0.62	0.57
HUT	15.90	1.92%	0.18	1.07
SHS	19.40	1.57%	0.15	0.90
IDC	47.40	1.28%	0.13	0.38

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CII	19.15	6.98%	0.19	17.84
DGC	73.80	6.96%	0.43	9.12
DLG	3.55	6.93%	0.02	8.90
DSE	24.70	6.93%	0.16	1.15
ABR	13.90	6.92%	0.00	0.02

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	71.80	9.95%	26.65	0.03
KMT	8.90	9.88%	0.04	0.00
DAE	15.70	9.79%	0.01	0.00
DS3	6.80	9.68%	0.03	0.00
VC1	12.50	9.65%	0.06	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	71.00	-2.47%	-3.15	8.36
GAS	104.80	-4.73%	-2.57	2.41
VHM	120.50	-1.95%	-2.08	4.11
BID	52.00	-1.89%	-1.48	7.02
PLX	56.50	-4.40%	-0.68	1.27

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	150.00	-5.66%	-0.95	0.20
PVI	95.00	-6.22%	-0.77	0.23
PVS	40.20	-2.90%	-0.33	0.51
VIF	15.50	-3.73%	-0.11	0.35
SEB	49.90	-3.48%	-0.03	0.03

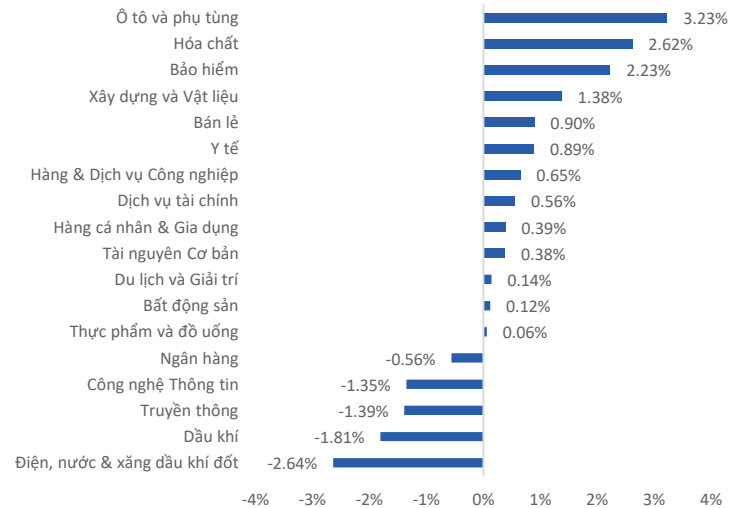
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
STG	40.05	-6.97%	-0.06	0.00
HU1	6.60	-6.91%	0.00	0.00
PMG	8.49	-6.08%	-0.01	0.10
GAS	104.80	-4.73%	-2.66	4.05
PLX	56.50	-4.40%	-0.70	9.48

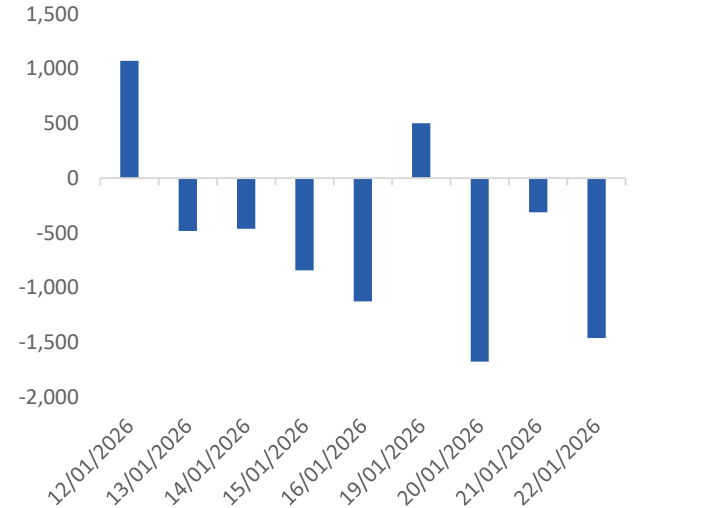
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	52.80	-9.90%	-0.19	0.00
BXH	14.60	-9.88%	-0.02	0.00
NAP	11.20	-9.68%	-0.10	0.00
TV3	17.00	-9.09%	-0.06	0.01
HDA	6.00	-7.69%	-0.05	0.02

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	86.5	1.3%	1.2	125,406	477.1	3,957	21.6	106,000	47.8%	Link
KBC	Bất động sản	37.4	1.1%	1.1	34,845	197.9	1,872	19.8	46,000	11.1%	Link
KDH	Bất động sản	29.3	2.1%	1.1	32,208	297.3	857	33.5	39,900	27.5%	Link
PDR	Bất động sản	18.2	4.6%	1.4	17,362	356.7	211	82.6	28,200	7.9%	Link
VHM	Bất động sản	120.5	-2.0%	1.4	504,801	958.4	6,133	20.0	119,600	8.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	103.5	-1.4%	0.8	178,868	850.8	5,280	19.9	118,700	39.4%	Link
BSR	Dầu khí	22.2	0.0%	0.0	111,162	720.8	413		23,200	1.4%	Link
PVS	Dầu khí	40.2	-2.9%	1.4	21,173	387.9	2,841	14.6	42,800	15.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.7	-0.4%	1.2	25,649	419.9	1,454	16.3		34.3%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	31.9	0.6%	1.1	78,968	749.7	1,835	17.3		33.2%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	35.2	0.4%	0.9	29,754	357.3	1,849	18.9		16.5%	Link
DCM	Hóa chất	38.0	6.9%	1.2	18,794	408.9	3,578	9.9	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	73.8	7.0%	1.1	26,205	668.5	8,296	8.3	109,300	6.0%	Link
ACB	Ngân hàng	24.9	0.0%	0.8	127,646	289.8	3,385	7.3	28,400	28.5%	Link
CTG	Ngân hàng	39.9	-0.8%	1.0	312,231	904.7	4,292	9.4	53,500	25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	29.2	0.5%	1.1	145,403	569.4	3,005	9.7	34,400	23.0%	Link
MBB	Ngân hàng	27.0	-0.2%	1.0	217,485	498.7	3,017	9.0	29,300	21.8%	Link
MSB	Ngân hàng	12.6	0.8%	1.0	39,000	82.8	1,729	7.2	14,000	29.4%	Link
STB	Ngân hàng	63.5	2.3%	0.9	117,072	1110.9	6,519	9.5		13.9%	Link
TCB	Ngân hàng	36.0	0.6%	1.0	253,687	872.2	3,577	10.0	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.4	1.2%	1.1	47,714	145.5	2,358	7.3	-	24.9%	Link
VCB	Ngân hàng	71.0	-2.5%	0.8	608,293	4650.5	4,202	17.3	73,200	21.5%	Link
VIB	Ngân hàng	17.9	0.3%	0.8	60,591	87.1	2,225	8.0	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.2	0.5%	1.0	230,480	586.6	3,024	9.6	35,650	25.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.9	0.2%	0.9	205,702	752.7	1,876	14.3	33,170	20.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.7	2.2%	1.0	10,122	58.9	1,184	13.8	19,800	4.4%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.6	1.2%	1.0	10,872	367.2	4,150	6.8	28,800	2.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	79.9	0.0%	1.1	115,529	403.9	2,196	36.4	98,300	22.5%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	70.9	0.9%	0.6	146,924	574.3	4,160	16.9	64,500	50.5%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	45.0	-1.85%	1.2	10,141	128.8	2,408	19.0	21.8%		Link
FRT	Bán lẻ	153.3	0.33%	1.0	26,022	67.4	3,620	42.2	32.2%		Link
BVH	Bảo hiểm	76.0	2.84%	1.2	54,858	125.1	3,578	20.7	26.6%		Link
DIG	Bất động sản	16.6	6.75%	1.2	12,385	384.9	514	30.2	3.1%		Link
DXG	Bất động sản	15.8	3.62%	1.1	16,908	612.4	396	38.4	24.1%		Link
HDC	Bất động sản	22.8	6.79%	1.1	4,265	119.7	2,559	8.3	2.9%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	27.0	4.05%	1.2	9,582	96.9	938	27.6	19.2%		Link
IDC	Bất động sản	47.4	1.28%	1.4	17,761	242.9	4,849	9.7	12.5%		Link
NLG	Bất động sản	30.8	3.36%	1.1	14,456	168.3	2,169	13.7	43.4%		Link
SIP	Bất động sản	58.1	3.57%	1.0	13,583	45.8	5,474	10.3	3.0%		Link
SZC	Bất động sản	31.9	2.24%	0.9	5,616	23.6	1,917	16.3	2.8%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	16.1	6.29%	1.3	13,773	183.9	801	18.9	10.6%		Link
VIC	Bất động sản	161.1	0.37%	1.5	1,236,818	545.1	1,147	139.9	3.1%		Link
VRE	Bất động sản	31.9	1.92%	1.3	71,010	229.1	2,144	14.6	12.9%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	37.2	-1.33%	1.0	8,769	17.0	1,680	22.4	38.2%		Link
PLX	Dầu khí	56.5	-4.40%	0.8	75,092	547.0	2,090	28.3	15.0%		Link
PVD	Dầu khí	29.1	-2.18%	0.8	16,537	200.0	1,602	18.6	10.7%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.9	1.55%	1.2	11,209	37.9	1,161	27.9	24.9%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	26.5	0.76%	1.7	17,324	147.8	1,887	13.9	1.4%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	104.8	-4.73%	0.9	265,424	431.1	5,014	21.9	2.3%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.8	1.02%	1.0	44,944	362.2	675	21.7	5.0%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.2	1.77%	0.8	33,637	52.3	4,776	13.0	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	181.0	-0.44%	0.6	107,555	275.0	2,897	62.8	7.1%		Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	40.0	1.91%	1.1	35,374	259.4	2,313	17.0	8.7%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	70.0	-0.71%	0.9	30,068	187.1	3,493	20.2	40.2%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.0	-1.34%	0.7	10,098	150.6	6,185	9.7	7.3%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.9	1.71%	0.9	9,634	150.3	2,090	9.8	10.5%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	121.0	-0.82%	0.0	14,858	161.9	3,139	38.9	5.2%		Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	110.4	0.45%	0.8	37,492	177.7	6,908	15.9	48.4%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.5	0.18%	0.8	3,070	48.2	2,535	10.8	48.5%		Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.4	0.99%	1.4	2,600	27.4	3,163	6.4	17.2%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	25.9	4.87%	1.0	16,760	498.8	1,212	20.3	4.0%		Link
GVR	Hóa chất	39.0	1.30%	1.2	154,000	278.4	1,569	24.5	0.6%		Link
EIB	Ngân hàng	22.4	0.90%	1.1	41,352	172.6	1,635	13.6	3.0%		Link
LPB	Ngân hàng	43.3	0.81%	0.4	128,304	119.4	3,824	11.2	0.8%		Link
NAB	Ngân hàng	14.7	0.34%	0.0	25,135	17.6	2,337	6.3	1.7%		Link
OCB	Ngân hàng	12.0	0.00%	0.9	31,823	14.8	1,460	8.2	19.8%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.5	1.64%	1.0	6,803	55.2	571	26.6	5.3%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.8	2.29%	1.2	6,976	38.4	2,829	9.3	3.3%		Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	39.2	1.03%	0.6	11,796	141.5	1,715	22.6	3.9%		Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	50.6	0.00%	0.8	64,898	80.7	3,373	15.0	58.4%		Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	60.8	-1.94%	0.9	13,916	80.5	6,944	8.9	20.3%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	159.7	-0.25%	0.4	13,106	46.2	15,010	10.7	84.9%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	75.0	1.21%	1.0	7,892	41.6	6,245	11.9	48.9%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	99.0	-2.37%	1.0	11,599	118.2	5,128	19.8	5.5%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.0	4.53%	1.0	4,334	67.4	3,037	14.2	8.1%		Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.9	1.98%	1.1	6,922	71.5	1,097	11.5	10.5%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.1	3.66%	0.8	9,562	131.9	1,377	16.9	13.8%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.1	0.65%	1.0	14,836	150.4	6,148	3.7	4.3%		Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	47.7	1.06%	1.2	21,162	47.9	3,090	15.3	2.5%		Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
2	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
3	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
4	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
5	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
6	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
8	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
15	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
16	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
17	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
18	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>